

Phần I. Tiếng Việt (2,0 điểm)

Hãy chọn phương án trả lời đúng nhất và viết chữ cái đứng trước phương án đó vào bài làm.

Câu 1. Nội dung thành ngữ: “Nói tràng giang đại hải” liên quan đến phương châm hội thoại nào?

- A. Phương châm về chất
B. Phương châm về lượng
C. Phương châm quan hệ
D. Phương châm lịch sự

Câu 2. Những dòng thơ: “Nghe xao động nắng trưa/Nghe bàn chân đỡ mỏi/Nghe gọi về tuổi thơ.” (Xuân Quỳnh) có sử dụng những biện pháp tu từ nào?

- A. Điệp ngữ, nhân hóa
B. Điệp ngữ, hoán dụ
C. Điệp ngữ, ẩn dụ
D. Điệp ngữ, so sánh

Câu 3. Xét theo mục đích nói, câu văn: “Tôi tên là Việt, anh cho tôi đi bộ đội với.” (Nguyễn Thi) thuộc kiểu câu nào?

- A. Câu trần thuật
B. Câu nghi vấn
C. Câu cầu khiến
D. Câu cảm thán

Câu 4. Câu văn nào sau đây **không** chứa thành phần biệt lập?

A. Buổi mai hôm ấy, một buổi mai đầy sương thu và gió lạnh, mẹ tôi âu yếm nắm tay tôi dẫn đi trên con đường làng dài và hẹp. (Thanh Tịnh)

B. Trong các món đồ chơi, tôi say mê nhất con gà đất: một chú trống đẹp mã, oai vệ, với chiếc kèn lá toi cài vào ức để tạo tiếng gáy. (Hoàng Phủ Ngọc Tường)

C. Bây giờ tôi mới hiểu ra, có lẽ những đồ chơi trẻ con ngày ấy hấp dẫn bởi chính tính mong manh của chúng. (Hoàng Phủ Ngọc Tường)

D. Lúc u tôi cười, những nếp nhăn ở đuôi mắt nheo lại, xếp lên nhau, đến khi cười cũng còn hằn những vết rạn khía quanh xuống hai bên gò má. (Tô Hoài)

Câu 5. Về hình thức, những câu văn sau đây được liên kết với nhau bằng những phép liên kết nào?

“An và Liên đã buồn ngủ riu rả cả mắt. Tuy vậy, hai chị em vẫn cố gượng để thức khuya chút nữa, trước khi vào hàng đóng cửa đi ngủ.” (Thạch Lam)

- A. Phép nối, phép thế
B. Phép nối, phép lặp
C. Phép lặp, phép liên tưởng
D. Phép lặp, phép nối

Câu 6. Từ “chân” trong dòng nào sau đây được dùng với nghĩa chuyển theo phương thức hoán dụ?

A. Đề huê lưng túi gió trăng/Sau chân theo một vài thằng con con. (Nguyễn Du)

B. Dù ai nói ngả nói nghiêng/Lòng ta vẫn vững như kiềng ba chân. (Ca dao)

C. Buồn trông nội cỏ rầu rầu/Chân mây mặt đất một màu xanh xanh. (Nguyễn Du)

D. Nam có chân trong đội tuyển dự thi Hội khỏe Phù Đổng của trường.

Câu 7. Yếu tố “tri” trong từ “tri âm” có nghĩa là gì?

- A. Hiểu biết
B. Kiến thức
C. Hiểu
D. Trí tuệ

Câu 8. So sánh hai câu: “Nó học lại.” và “Nó lại học.”. Cho biết nhận định nào sau đây là đúng?

- A. Trật tự của từ thay đổi làm thay đổi nghĩa của câu.
B. Chúng giống nhau về nghĩa tình thái.
C. Cả hai giống nhau về nghĩa sự việc.
D. Cả hai hoàn toàn giống nhau về trật tự từ.

Phần II. Đọc – hiểu văn bản (2,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau:

“Trong thiên hạ, được một tri kỉ, có thể không ân hận rồi.

Mây được mặt trời chiếu vào rồi mới thành ráng, suối treo vào đá rồi mới thành thác. Cũng là vật đó mà gởi vào một cái khác thì có tên khác. Cho nên cái đạo bạn bè rất đáng quý!

Nói chuyện với bạn uyên bác như đọc sách lạ, nói chuyện với bạn phong nhã như đọc thi văn của danh nhân, nói chuyện với bạn nghiêm cẩn, đạo đức như đọc kinh truyện của thánh hiền, nói chuyện với bạn hoạt kê như đọc tiểu thuyết truyền kì.

Kẻ sĩ nên có bạn thân. Bạn thân bắt tất phải là bạn thề sống chết có nhau. Thường thì bạn thân là bạn cách xa nhau trăm ngàn dặm vẫn có thể tin nhau, không nghe những lời người ta nói xấu về bạn. Việc nào nên làm, nên ngưng thì thay bạn mà mưu tính quyết đoán; hoặc những lúc lợi hại, giúp bạn mà không cho bạn biết, cứ hết lòng vì bạn mà không lo rằng bạn có hiểu mình không.”

(Theo Lâm Ngữ Đường)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1 (0,5 điểm). Em hiểu nghĩa của từ “*tri kỉ*”, “*kẻ sĩ*” là gì?

Câu 2 (0,75 điểm). Em hiểu thế nào về ý kiến của tác giả: “*Nói chuyện với bạn uyên bác như đọc sách lạ.*” ?

Câu 3 (0,75 điểm). Em có đồng ý với quan điểm: “*Mỗi người đều nên có một người bạn thân*” không? Vì sao?

Phần III. Tập làm văn (6,0 điểm)

Câu 1 (1,5 điểm).

Từ văn bản phần đọc - hiểu, hãy viết 01 đoạn văn (khoảng 20 dòng) trình bày suy nghĩ của em về **ý nghĩa của tình bạn đẹp trong cuộc sống**.

Câu 2 (4,5 điểm).

Cảm nhận về đẹp về tình đồng chí, đồng đội của người lính cách mạng – anh bộ đội cụ Hồ trong thời kì đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp qua đoạn thơ sau:

*"Ruộng nương anh gửi bạn thân cày
Gian nhà không, mặc kệ gió lung lay
Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính.
Anh với tôi biết từng cơn ớn lạnh
Sốt run người vầng trán ướt mồ hôi.
Áo anh rách vai
Quần tôi có vài mảnh vá
Miệng cười buốt giá
Chân không giày
Thương nhau tay nắm lấy bàn tay.*

*Đêm nay rừng hoang sương muối
Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới
Đầu súng trăng treo."*

(Trích “*Đồng chí*”- Chính Hữu, Ngữ văn 9, Tập một, NXB Giáo dục Việt Nam)

Liên hệ với bài thơ “*Bài thơ về tiểu đội xe không kính*” của nhà thơ Phạm Tiến Duật để thấy được điểm gặp gỡ của hai tác giả khi viết về đề tài người lính cách mạng.

-----HẾT-----

Họ tên thí sinh:..... Chữ kí, họ tên giám thị 1:.....

Số báo danh:..... Chữ kí, họ tên giám thị 2:.....

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
HUYỆN XUÂN TRƯỜNG

ĐỀ CHÍNH THỨC

HƯỚNG DẪN CHẤM
ĐỀ THI THỬ VÀO LỚP 10 THPT, LẦN 3

Năm học: 2023 – 2024

MÔN: NGỮ VĂN

Thời gian làm bài: 120 phút

Ngày thi: 02-6-2023

(Hướng dẫn chấm gồm: 06 trang)

Phần	Câu	Nội dung								Điểm																
I	Tiếng Việt									2,0																
		<table><tr><td>Câu 1</td><td>Câu 2</td><td>Câu 3</td><td>Câu 4</td><td>Câu 5</td><td>Câu 6</td><td>Câu 7</td><td>Câu 8</td></tr><tr><td>B</td><td>C</td><td>C</td><td>D</td><td>A</td><td>D</td><td>C</td><td>A</td></tr></table> Mỗi câu trả lời đúng cho: 0,25 điểm Trả lời sai hoặc có nhiều hơn 1 đáp án hoặc không trả lời: 0,0 điểm								Câu 1	Câu 2	Câu 3	Câu 4	Câu 5	Câu 6	Câu 7	Câu 8	B	C	C	D	A	D	C	A	
Câu 1	Câu 2	Câu 3	Câu 4	Câu 5	Câu 6	Câu 7	Câu 8																			
B	C	C	D	A	D	C	A																			
II	Đọc - hiểu văn bản									2,0																
	1	Giải thích ý nghĩa của 2 từ: - <i>Tri kỉ</i>: Người bạn rất thân, hiểu biết mình - <i>Kẻ sĩ</i>: là từ dùng để chỉ những người thuộc tầng lớp trí thức trong lịch sử Hướng dẫn chấm: - Điểm 0,5: Trả lời đúng như trên - Điểm 0,25: Trả lời đúng 1 ý như trên - Điểm 0,0: Trả lời sai hoặc không trả lời								0,5																
	2	Em hiểu ý kiến của tác giả: "<i>Nói chuyện với bạn uyên bác như đọc sách lạ</i>" là: - “sách lạ” là sách mang đến cho chúng ta những điều mới mẻ, hấp dẫn, hay. - Nói chuyện với người bạn uyên bác (có hiểu biết sâu rộng) cũng như được đọc những quyển sách như thế. Bạn uyên bác cho chúng ta nhiều hiểu biết mới, nhiều điều thú vị. Hướng dẫn chấm: - Điểm 0,75: Thí sinh trả lời được 2 ý nghĩa đầy đủ, sâu sắc - Điểm 0,5: Thí sinh trả lời được 2 ý nghĩa nhưng còn sơ sài hoặc nêu được 1 ý nghĩa đầy đủ, sâu sắc. - Điểm 0,25: Thí sinh trả lời được 1 ý nghĩa nhưng sơ sài - Điểm 0,0: Thí sinh không trả lời hoặc trả lời sai hoàn toàn								0,75																
	3	Thí sinh cần bày tỏ quan điểm và lí giải hợp lý. Sau đây là gợi ý: * Bày tỏ quan điểm: <i>đồng tình hoặc không đồng tình hoặc vừa đồng tình vừa không đồng tình</i> * Lí giải: - Nếu đồng tình, lí giải theo hướng: + Có người bạn thân để chia sẻ niềm vui, nỗi buồn. + Có người bạn thân làm cho cuộc sống của chúng ta trở nên thú vị, vững vàng hơn về mặt đời sống tinh thần.. + Người bạn thân để cùng giúp đỡ nhau phát triển hơn trong cuộc sống và tương lai sau này...								0,75																

		- Nếu không đồng tình, lí giải theo hướng: + Những niềm vui, nỗi buồn chúng ta có thể chia sẻ với người thân của mình là được. + Tìm được người bạn thân chân chính, luôn hiểu mình và sẵn sàng chia sẻ với nhau rất khó. + Chia sẻ với bạn có thể bạn sẽ đau khổ giống mình... - Nếu vừa đồng tình vừa không đồng tình: kết hợp hai hướng lí giải trên. Hướng dẫn chấm: - Điểm 0,25: Thí sinh bày tỏ quan điểm: đồng tình hoặc không đồng tình hoặc vừa đồng tình vừa không đồng tình. - Điểm 0,5: Lí giải thuyết phục, sâu sắc từ 2 ý trở lên. - Điểm 0,25: Lí giải chung chung cho 0,25 điểm. - Điểm 0,0: Thí sinh lí giải sai hoặc không lí giải.	
III	Tập làm văn		6,0
	1	Từ văn bản phần đọc - hiểu, hãy viết 01 đoạn văn (khoảng 20 dòng) trình bày suy nghĩ của em về ý nghĩa của tình bạn đẹp trong cuộc sống.	1,5
		a. Đảm bảo hình thức đoạn văn: Học sinh có thể trình bày đoạn văn theo nhiều cách khác nhau, song đúng cấu trúc của một đoạn văn nghị luận, đảm bảo về số dòng: khoảng 20 dòng.	0,25
		b. Xác định đúng vấn đề nghị luận: Suy nghĩ về ý nghĩa của tình bạn đẹp trong cuộc sống.	0,25
		c. Triển khai vấn đề nghị luận: - Giải thích: + Tình bạn là sự gắn bó, yêu thương, đồng cảm, chia sẻ của những người xa lạ, không cùng chung huyết thống. + Tình bạn đẹp là tình bạn chân chính, luôn sẵn sàng giúp đỡ nhau trong mọi hoàn cảnh, không vụ lợi, tính toán... - Bàn luận về ý nghĩa của tình bạn đẹp trong cuộc sống: + Sẵn sàng quan tâm, giúp đỡ nhau, cùng nhau san sẻ, vượt qua mọi khó khăn hoạn nạn mà không đòi hỏi quyền lợi cho mình. + Hòa hợp về tâm hồn, hiểu nhau, hợp nhau có thể nhiều hoặc ở một phương diện nào đó, có thể tâm sự, trải lòng với sự tin tưởng. + Coi nhau như người thân trong gia đình, không so đo tính toán thiệt hơn, sẵn sàng cho đi. + Một tình bạn đẹp sẽ là chỗ dựa tinh thần vững vàng và là điểm tựa của mỗi con người trong những lúc gặp khó khăn hoạn nạn. + Tình bạn đẹp có thể mang đến nhiều niềm vui cho mỗi người. + Chúng ta có thể học hỏi nhiều điều hay lẽ phải từ những người bạn chân chính, cùng nhau phát triển hơn. - HS nêu, phân tích ngắn gọn dẫn chứng: Tình bạn Nguyễn Khuyến với Dương Khuê, tình bạn Lưu Bình với Dương Lễ, tình bạn của Bác Hồ và những người đồng chí... - Bài học nhận thức và hành động: + Hãy sống thật tốt và tìm kiếm những người bạn chân chính để thấy cuộc đời này tươi đẹp hơn. + Luôn chân thành trong tình bạn để tình bạn thêm ý nghĩa. ...	0,75
		d. Sáng tạo: Có cách diễn đạt sáng tạo, mới mẻ về vấn đề.	0,25

	Hướng dẫn chấm: - Điểm 1,25 điểm - 1,5 điểm: Đảm bảo các yêu cầu trên, văn viết có sức thuyết phục cao với lí lẽ và dẫn chứng hợp lí, lập luận chặt chẽ, bày tỏ quan điểm cá nhân đúng đắn. - Điểm 0,75 điểm - 1,0 điểm: Đảm bảo tương đối đầy đủ các yêu cầu trên, văn viết có sức thuyết phục, diễn đạt mạch lạc. - Điểm 0,25 điểm- 0,5 điểm: Đảm bảo các yêu cầu trên ở mức độ sơ sài, lập luận chưa thực sự thuyết phục, còn có nhiều lỗi chính tả. - Điểm 0,0 điểm: Không làm hoặc lạc đề hoàn toàn.	
2	Cảm nhận về đẹp về tình đồng chí, đồng đội của người lính cách mạng – anh bộ đội cụ Hồ trong thời kì đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp qua đoạn thơ sau: “Ruộng nương ...Đầu súng trăng treo.” Liên hệ với bài thơ “Bài thơ về tiểu đội xe không kính” của nhà thơ Phạm Tiến Duật để thấy được điểm gặp gỡ của hai tác giả khi viết về đề tài người lính cách mạng.	4,5
	* Yêu cầu chung: HS biết cách tạo lập một bài văn nghị luận về văn học có định hướng. Diễn đạt trôi chảy, bảo đảm tính liên kết; phân tách các luận điểm rõ ràng, mạch lạc.	
	* Yêu cầu cụ thể:	
	a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận gồm 3 phần: Mở bài, thân bài, kết bài. Mở bài dẫn dắt, nêu được vấn đề hợp lí; thân bài triển khai được vấn đề thành nhiều đoạn văn liên kết chặt chẽ với nhau cùng làm sáng tỏ định hướng trong đề bài; kết bài khái quát được vấn đề.	0,25
	b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: Về đẹp về tình đồng chí, đồng đội của người lính cách mạng– anh bộ đội cụ Hồ trong thời kì đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp.	0,25
	c. Triển khai vấn đề nghị luận: Chia vấn đề nghị luận thành các luận điểm, luận cứ phù hợp, thuyết phục; biết trích dẫn thơ, sử dụng tốt các thao tác lập luận; biết kết hợp giữa nêu lí lẽ, đưa dẫn chứng, phân tích thơ, biết liên hệ, so sánh giữa 02 văn bản đã học. HS có thể triển khai theo những cách khác nhau, nhưng cần đảm bảo các ý cơ bản sau:	3,75
	c.1. Giới thiệu khái quát về tác giả Chính Hữu và bài thơ “Đồng chí”. Dẫn dắt nêu vấn đề nghị luận: Về đẹp về tình đồng chí, đồng đội của người lính trong đoạn thơ giữa của bài thơ “Đồng chí”- Chính Hữu.	0,25
	c.2. Cảm nhận về đẹp về tình đồng chí, đồng đội của người lính – anh bộ đội cụ Hồ trong thời kì đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp.	2,5
	* Về đẹp về tình đồng chí, đồng đội của người lính trước hết được thể hiện ở sự cảm thông sâu xa những tâm tư, nỗi niềm của nhau. (Phân tích 3 câu thơ đầu của đoạn thơ) - Giọng thơ thủ thỉ, tâm tình như những lời trò chuyện với nhau của người lính. - Nghe theo tiếng gọi thiêng liêng của Tổ quốc, họ sẵn sàng ra đi để lại sau lưng những gì quý giá, thân thiết của cuộc sống nơi làng quê “ruộng nương” phải “gửi bạn thân cày”, “gian nhà” đành để “mặc kệ gió lung lay”. - Hai chữ “mặc kệ” vốn chỉ thái độ thờ ơ, vô trách nhiệm nhưng ở trong câu thơ “Gian nhà không mặc kệ gió lung lay” từ “mặc kệ” lại nói lên thái độ dứt khoát, mạnh mẽ, quyết dứt tình riêng ra đi vì nghĩa lớn của	1,0

	người lính. Nhưng đằng sau thái độ dứt khoát “mặc kệ” ấy là nỗi nhớ da diết về gia đình, quê hương. Và có lẽ, vì thế ở ngoài mặt trận các anh vẫn hình dung thấy “gian nhà không” đang “lung lay” trong cơn gió nơi quê nhà. Và họ còn cảm nhận được nỗi nhớ của những người ở lại quê hương đang hướng theo mình. - Câu thơ “<i>Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính</i>” có cách viết hết sức gợi cảm và tinh tế. Kết hợp biện pháp tu từ nhân hóa “<i>giếng nước gốc đa</i>” biết “<i>nhớ người ra lính</i>” và biện pháp tu từ hoán dụ lấy “<i>giếng nước gốc đa</i>” để chỉ những người thân đang ở lại quê hương. Mượn cả cách nói của ca dao “<i>Giếng nước gốc đa</i>”... tác giả diễn tả kín đáo, sâu sắc tình cảm của quê hương với người lính và của người lính với quê hương. -> Chính sự cảm thông tâm tư nỗi niềm của nhau đã tiếp thêm sức mạnh cho mỗi tình đồng chí, đồng đội của họ.	
	* <i>Vẻ đẹp về tình đồng chí, đồng đội của người lính còn được thể hiện họ luôn sát cánh bên nhau, cùng nhau chia sẻ những gian lao thiếu thốn, cùng nhau mơ ước về cuộc sống hòa của người lính.</i> (Phân tích đoạn còn lại) - Ngoài chiến trường người lính cùng nhau chịu đựng những cơn sốt rét rừng, rét đến “<i>run người</i>” nhưng “<i>vàng trán vẫn ướt mồ hôi</i>.” - Họ chia sẻ với nhau nhưng khó khăn thiếu thốn về vật chất: “<i>áo rách vai</i>”, “<i>chân ko giày</i>” giữa mùa đông lạnh giá. Nhưng chính trong gian khổ thiếu thốn ấy tình đồng chí đã giúp họ vượt qua tất cả. - Những câu thơ ngắn dần lại cùng với những chi tiết tả thực, không hề tô vẽ cho thấy gian khổ, thiếu thốn ngày một nhiều nhưng sự thiếu thốn ấy được bù đắp bằng tình đồng chí. + Cặp từ “<i>anh với tôi</i>” đi với nhau trong một câu thơ hay đi sóng đôi trong từng cặp câu thơ liền nhau “<i>Áo anh rách vai/Quần tôi có vài mảnh vá</i>” như lời khẳng định về sự gắn bó bền chặt, sự sẻ chia sâu sắc của những người lính. + Gian khổ, thiếu thốn càng làm nổi bật vẻ đẹp của họ. Đó là tinh thần vượt lên gian khó với niềm lạc quan yêu đời bằng hình ảnh “<i>miệng cười buốt giá</i>.” Phải chăng đây là nụ cười để an ủi nhau, động viên nhau vượt qua những khắc nghiệt nơi chiến trường. - Câu thơ: “<i>Thương nhau tay nắm lấy bàn tay</i>” diễn tả sâu sắc biểu hiện, sức mạnh của mối tình đồng chí. + Không lời nói hoa mỹ, không lí lẽ, giải trình, chỉ có tình yêu thương giữa những người đồng đội mới là sự liên kết chặt chẽ nhất cho tình đồng chí, đồng đội. + Hình ảnh: “<i>tay nắm lấy bàn tay</i>” mang hai lớp nghĩa, hàm ý và nghĩa tả thực. Tả thực: chỉ bằng một cử chỉ “<i>tay nắm lấy bàn tay</i>” người lính đã truyền cho nhau hơi ấm, hơi ấm từ đôi bàn tay lan tỏa, xua tan rét buốt. Nghĩa hàm ý: hơi ấm xua tan cả những gian khổ khó khăn, mang đến sức mạnh để vượt qua tất cả. Chỉ một cái nắm tay thay cho lời nói đã thể hiện thật xúc động sự gắn bó, sự cảm thông chia sẻ rất đỗi thân thương của người lính. -> Nhà thơ đã phát hiện rất tinh cái sức mạnh tinh thần ẩn sâu trong trái tim người lính qua cái “<i>nắm tay</i>” ấy. (Liên hệ với cái bắt tay trong “<i>Bài thơ về tiểu đội xe không kính</i>” của Phạm Tiến Duật). - 3 dòng cuối bài thơ là hình ảnh lắng đọng, như khắc họa bức tượng đài	1,5

	về tình đồng chí, đồng đội. <i>“Đêm nay rừng hoang sương muối Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới Đầu súng trăng treo”</i> + Câu thơ khắc họa chân thực cái khắc nghiệt trong cuộc sống của người lính “<i>rừng hoang, sương muối</i>”, lạnh đến thấu da cắt thịt trong những đêm đông. Thế nhưng, ở giữa những người lính vẫn luôn tồn tại những tình cảm, tình thân gắn bó, ấm áp. Trong những màn đêm lạnh giá, tay cầm súng sẵn sàng chiến đấu, họ đứng cạnh nhau để tiếp thêm sức mạnh cho anh em đồng đội. Họ sẵn sàng “<i>chờ giặc tới</i>”, không run sợ bởi bên cạnh vẫn có đồng đội + Hình ảnh “đầu súng trăng treo” làm khung cảnh trở nên mộng mị, thực ảo. Ngọn súng hướng về phía quân thù, ánh trăng lại như muốn hòa cùng không khí nơi đây. Trăng luôn lặng lẽ, yên tĩnh để ủng hộ các anh. Ánh trăng là biểu tượng cho vẻ đẹp thanh bình, khi màn đêm yên tĩnh, không có khói lửa đạn bom, không có hình ảnh của những người lính phải ngã xuống hi sinh vì đất nước, ánh trăng càng trở nên êm đềm xiết bao. + Biện pháp nghệ thuật tương phản, đối lập được tác giả sử dụng đặc biệt thành công trong dòng thơ kết bài. Tương phản với trăng, là ngọn súng, là cuộc sống chiến đấu gian khổ. “<i>đầu súng trăng treo</i>” là hình ảnh, chi tiết đắt giá nhất trong toàn bộ bài thơ. Đối với người lính, tuy khó khăn gian khổ là vậy nhưng tâm hồn của các anh vẫn rất lạc quan, yêu đời, khao khát về cuộc sống hòa bình. Họ san sẻ với đồng chí, đồng đội mình hơi ấm tình yêu, niềm tin về một tương lai đất nước được thống nhất, hòa bình. -> Tình đồng chí, đồng đội giữa những người lính khiến họ có thêm động lực luôn vững vàng, sẵn sàng chiến đấu và vẫn đầy ắp sự lãng mạn, mộng mị.	
	c.3. Đánh giá chung: - Khái quát nghệ thuật, nội dung, vấn đề nghị luận: thể thơ tự do với những câu dài ngắn đan xen; giọng thơ nhẹ nhàng, tâm tình ấm áp; ngôn ngữ, hình ảnh thơ giản dị, chân thực cô đọng, giàu sức biểu cảm, giàu ý nghĩa biểu tượng và thẩm đượm chất dân gian; sử dụng các biện pháp tu từ nhân hóa, hoán dụ...; đoạn thơ đã thể hiện vẻ đẹp về tình đồng chí, đồng đội của người lính cách mạng trong thời kì đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp. - Liên hệ với vẻ đẹp của tình đồng chí, đồng đội của người lính trong bài thơ “<i>Giá từng thước đất</i>” của Chính Hữu; “<i>Bài thơ về tiểu đội xe không kính</i>” của Phạm Tiến Duật; “<i>Những ngôi sao xa xôi</i>” của Lê Minh Khuê.	0,5
	c.4. Liên hệ với bài thơ “<i>Bài thơ về tiểu đội xe không kính</i>” của Phạm Tiến Duật để thấy được điểm gặp gỡ của hai tác giả khi viết về người lính cách mạng. HS chủ yếu nêu về những điểm giống nhau của hai văn bản đã được học: Mặc dù viết về người lính ở hai thời điểm khác nhau: Bài thơ “<i>Đồng chí</i>” của Chính Hữu viết về người lính trong thời kì đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp còn “<i>Bài thơ về tiểu đội xe không kính</i>” viết về người lính lái xe vận tải Trường Sơn trong thời kì kháng chiến chống Mỹ nhưng cả hai nhà thơ đều gặp nhau ở cách thể hiện:	0,5

	+ Chủ yếu sử dụng bút pháp hiện thực; + Người lính chiến đấu trong hoàn cảnh vô cùng thiếu thốn, gian khổ, nghiệt ngã của chiến tranh nhưng họ có chung mục đích chiến đấu vì độc lập dân tộc; + Luôn có tinh thần vượt qua mọi khó khăn, gian khổ với tinh thần lạc quan; + Họ có tình cảm đồng chí, đồng đội sâu nặng.	
	<i>d. Chính tả, ngữ pháp:</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ nghĩa, ngữ pháp tiếng Việt.	0,25
	<i>e. Sáng tạo:</i> Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện cảm xúc sâu sắc, mới mẻ về vấn đề, đánh giá sắc sảo về nghệ thuật sáng tác của Nguyễn Dữ	
	Hướng dẫn chấm: - Điểm từ 4,0 điểm - 4,5 điểm: Đảm bảo đầy đủ các yêu cầu nêu trên, có cảm nhận sâu sắc; vận dụng các thao tác lập luận phù hợp, linh hoạt, văn viết mạch lạc, có trích dẫn thơ hợp lí. - Điểm từ 3,0 điểm - 3,75 điểm: Đảm bảo tương đối đầy đủ các yêu cầu trên; phân tích để bày tỏ cảm xúc chưa thật thuyết phục nhưng có cảm nhận, đánh giá đúng dù chưa thật sâu sắc. - Điểm 2,0 điểm - 2,75 điểm: Đảm bảo các yêu cầu trên ở mức độ sơ sài, chưa biết đánh giá; chưa biết trích dẫn thơ trong quá trình phân tích, văn còn lủng củng, nhiều lỗi chính tả, dùng từ đặt câu. - Điểm dưới 1,75 điểm: Chưa hiểu đúng đề, phân tích, cảm nhận một cách chung chung, thiếu thuyết phục; văn viết sai nhiều lỗi, trình bày câu thả. - Điểm 0,0: Không làm bài hoặc lạc đề. Lưu ý: Giám khảo cần nhắc trong tổng thể bài làm văn của thí sinh, linh hoạt chấm tránh đếm ý cho điểm.	

*** Lưu ý chung:**

- Sau khi chấm điểm từng câu, giám khảo cần nhắc để cho điểm toàn bài một cách hợp lí, đảm bảo đánh giá đúng trình độ thí sinh, khuyến khích sự sáng tạo.
- Đảm bảo toàn bài lẻ đến 0,25 điểm, không làm tròn.

-----HẾT-----